

Số: 537/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách
nhà nước năm 2024 do tình quản lý (đợt 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác
công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh
nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng
01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng chính phủ: Số 26/2020/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành
một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; số 1535/QĐ-
TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12
năm 2023 về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 123/NQ-HĐND
ngày 11 tháng 10 năm 2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa; số 253/NQ-HĐND ngày 13
tháng 7 năm 2022 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân
sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân
tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021
(đợt 1); số 331/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2022 về việc điều chỉnh kế
hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh
Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 123/NQ-
HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 2); số 427/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9



năm 2023 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 (đợt 4); số 454/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 về kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 do tỉnh quản lý (đợt 1); Báo cáo thẩm tra số 390/BC-KTNS ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 do tỉnh quản lý tại Nghị quyết số 454/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh (đợt 1), với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch năm 2024 (đợt 1):

Tổng số vốn điều chỉnh giảm kế hoạch năm 2024 (đợt 1) của 06 dự án là 323.458 triệu đồng, trong đó:

a) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 03 dự án là 309.336 triệu đồng, gồm: 01 dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán: 1.537 triệu đồng; 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024: 307.799 triệu đồng.

b) Vốn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước: Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 03 dự án là 14.122 triệu đồng, gồm: 01 dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt: 1.622 triệu đồng; 01 dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024: 5.000 triệu đồng; 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024: 7.500 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch năm 2024 (đợt 1):

Tổng số vốn điều chỉnh tăng kế hoạch năm 2024 là 323.458 triệu đồng, bố trí cho 13 dự án (trong đó: bổ sung vốn cho 02 dự án đã hoàn thành, 07 dự án chuyển tiếp và bố trí vốn cho 04 dự án khởi công mới); cụ thể là:

a) Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh: Bố trí cho 09 dự án là 309.336 triệu đồng, gồm: 01 dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt: 3.952 triệu đồng; 04 dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024: 199.199 triệu đồng; 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024: 6.287 triệu đồng; 03 dự án khởi công mới: 99.898 triệu đồng.

b) Vốn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước: Bố trí cho 04 dự án là 14.122 triệu đồng, gồm: 01 dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt: 443 triệu đồng; 02 dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024: 11.679 triệu đồng; 01 dự án khởi công mới: 2.000 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

3. Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước năm 2024 tại Nghị quyết số 454/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 31 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTtr HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng

Phụ lục: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 DO TỈNH QUẢN LÝ (ĐỢT 1)

(Kèm theo Nghị quyết số 537/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Danh mục dự án, nguồn vốn	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán) Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)		Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến hết năm 2023		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn năm 2024 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau khi được điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
	TỔNG SỐ			7.664.356	4.468.121	4.840.874	2.539.683	2.295.014	1.915.010	2.581.205	645.747	323.458	323.458	645.747		
A	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024			3.500.800	1.943.048	2.362.022	804.270	1.138.778	1.138.778	1.287.554	591.709	323.458		268.251		
I	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VỆ NGÂN SÁCH TỈNH			2.990.397	1.805.832	1.926.195	741.630	1.064.202	1.064.202	1.177.355	561.908	309.336		252.572		
a	<i>Dự án đã hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt</i>			93.000	8.435	91.463	6.898	1.537	1.537	5.705	1.537	1.537				
*	<i>Bổ trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài</i>															
1	Trồng, phục hồi rừng ven biển huyện Hậu Lộc, Quảng Xương.	Môi trường	4261/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1627/QĐ-UBND ngày 19/5/2021	93.000	8.435	91.463	6.898	1.537	1.537	5.705	1.537	1.537			Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
b	<i>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024</i>			2.897.397	1.797.397	1.834.732	734.732	1.062.665	1.062.665	1.171.650	560.371	307.799		252.572		
1	Đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoàng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (Km5+250-Km14+603) - Tiểu dự án 1 Cầu vượt sông Mã và đường 2 đầu cầu từ Km5+250-Km7+250	Giao thông	2543/QĐUBND ngày 13/7/2021; 3627/QĐUBND ngày 16/9/2021; 2742/QĐ-UBND ngày 15/8/2022; 4159/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	655.397	655.397	420.801	420.801	234.596	234.596	286.000	12.228	800		11.428		
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa làm chủ đầu tư</i>			581.985	581.985	351.151	351.151	230.834	230.834		8.467			8.467	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (trước đây là Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1)	
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Thiệu Hóa làm chủ đầu tư</i>			67.459	67.459	65.050	65.050	2.409	2.409		2.409			2.409	UBND huyện Thiệu Hóa	
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Hoằng Hóa làm chủ đầu tư</i>			5.953	5.953	4.600	4.600	1.352	1.352		1.352	800		552	UBND huyện Hoằng Hóa	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn-Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Giao thông	4500/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	2.242.000	1.142.000	1.413.931	313.931	828.069	828.069	885.650	548.143	306.999		241.144	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa; UBND huyện Hậu Lộc	
-	<i>Các hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư</i>			2.040.539	1.142.000	1.210.210	303.435				543.143	306.999		236.144	Sở Giao thông vận tải	

Số TT	Danh mục dự án, nguồn vốn	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán)	Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến hết năm 2023		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn năm 2024 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau khi được điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú		
			Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh				Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
-	Các hạng mục do UBND huyện Hậu Lộc làm chủ đầu tư		120.000		102.235	1.010			5.000		5.000	UBND huyện Hậu Lộc			
II	VỐN CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC		510.403	137.216	435.827	62.640	74.576	74.576	110.199	29.801	14.122	15.679			
a	Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt		400.506	47.319	396.827	43.640	3.679	3.679	32.200	5.301	1.622	3.679			
1	Cấp điện nông thôn tỉnh Thanh Hoá	Công nghiệp	723/QĐ-UBND ngày 15/02/2024	400.506	47.319	396.827	43.640	3.679	3.679	32.200	5.301	1.622	3.679	Sở Công Thương Thanh Hóa	
b	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024		49.999	29.999	31.500	11.500	18.499	18.499	29.999	9.500	5.000	4.500			
1	Sắp xếp dân cư vùng ảnh hưởng thiên tai tại huyện Lang Chánh	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	881/QĐ-UBND ngày 17/3/2021; 2491/QĐ-UBND ngày 12/7/2021; 1152/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	49.999	29.999	31.500	11.500	18.499	18.499	29.999	9.500	5.000	4.500	UBND huyện Lang Chánh	
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024		59.898	59.898	7.500	7.500	52.398	52.398	48.000	15.000	7.500	7.500			
1	Đường giao thông từ xã Thành Sơn huyện Quan Hóa đi huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.	Giao thông	1184/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	59.898	59.898	7.500	7.500	52.398	52.398	48.000	15.000	7.500	7.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	
B	DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024		4.163.556	2.525.073	2.478.852	1.735.413	1.156.236	776.232	1.293.651	54.038		323.458	377.496		
I	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU TIẾT VÉ NGÂN SÁCH TỈNH		3.868.913	2.345.630	2.366.895	1.633.313	973.550	698.889	1.162.608	50.182		309.336	359.518		
a	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt		1.283.327	300.000	704.977	276.819	49.882	9.753	79.681			3.952	3.952		
1	Đại lộ Đông - Tây thành phố Thanh Hóa, đoạn từ thị trấn Rừng Thông đến Quốc lộ 1A.	Giao thông	2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016; 3224/QĐ-UBND ngày 27/8/2018; 930/QĐ-UBND ngày 22/3/2021	1.283.327	300.000	704.977	276.819	49.882	9.753	79.681			3.952	3.952	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa
b	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024		2.228.559	1.873.967	1.510.548	1.354.994	718.011	518.973	941.358	29.500	-	199.199	228.699		
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn.	Giao thông	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018; 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019; 5441/QĐ-UBND ngày 23/12/2019; 2113/QĐ-UBND ngày 16/6/2022, NQ số 492/NQ-HĐND ngày 14/3/2024	1.484.970	1.484.970	1.180.194	1.180.194	304.776	304.776	566.859	-	-	29.000	29.000	
-	Các hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư		796.958	796.958	713.856	713.856	83.102	83.102				14.000	14.000	Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa	
-	Các hạng mục do UBND huyện Đông Sơn làm chủ đầu tư		110.769	110.769	77.663	77.663	33.106	33.106						UBND huyện Đông Sơn	

Số TT	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán)					Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến hết năm 2023		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn năm 2024 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau khi được điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú	
	Danh mục dự án, nguồn vốn	Ngành, lĩnh vực	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh												
2	4	5	5	6	6	7	7	8	8	10	10	11	11	12	12		
-	Các hạng mục do UBND thành phố Thanh Hóa			236.287	236.287	214.129	214.129	22.158	22.158						UBND thành phố Thanh Hóa		
-	Các hạng mục do UBND huyện Triệu Sơn làm chủ đầu tư			193.366	193.366	174.546	174.546	18.820	18.820			15.000	15.000		UBND huyện Triệu Sơn		
2	Tuyển giao thông đoạn tránh Ngã Ba Chè, từ xã Thiệu Trung đến thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.	Giao thông	1166/QĐ-UBND ngày 05/4/2022	146.972	60.000	96.054	10.500	50.918	49.500	60.000	29.500		20.000	49.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa		
3	Nâng cấp tuyến đường thị trấn Mường Lát - Đồn biên phòng 483 - Mốc G3, huyện Mường Lát (giai đoạn 2).	Quốc phòng	1185/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	98.997	28.997	70.500	500	28.497	28.497	14.499			13.999	13.999	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa		
4	Di dân, sắp xếp dân cư, tái định cư một số hộ dân thôn Lâm Quảng, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn	Hạ tầng kỹ thuật	2622/QĐ UBND ngày 01/8/2022; 2664/QĐ-UBND ngày 27/7/2023; 1826/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	497.620	300.000	163.800	163.800	333.820	136.200	300.000			136.200	136.200	UBND thị xã Nghi Sơn		
c	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024			227.394	42.282	150.370	500	77.024	41.782	25.369	18.582		6.287	24.869			
1	Đường giao thông nối Quốc lộ 45 xã Định Liên với Quốc lộ 47B xã Yên Trường, huyện Yên Định	Giao thông	1138/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	227.394	42.282	150.370	500	77.024	41.782	25.369	18.582		6.287	24.869	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định		
d	Dự án khởi công mới năm 2024			129.633	129.381	1.000	1.000	128.633	128.381	116.200	2.100		99.898	101.998			
1	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành.	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	4565/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	2.650	2.398			2.650	2.398	2.400	2.100		298	2.398	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành		
2	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trinh, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước.	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	196/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	13.799	13.799			13.799	13.799	13.800			9.600	9.600	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước		
3	Xây dựng trụ sở làm việc cho Công an xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.	An ninh và trật tự, an toàn xã hội	1317/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	113.184	113.184	1.000	1.000	112.184	112.184	100.000			90.000	90.000	Công an tỉnh Thanh Hóa		
II	VỐN CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC			294.643	179.443	111.957	102.100	182.686	77.343	131.043	3.856		14.122	17.978			
a	Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt			69.443	69.443	69.000	69.000	443	443	49.443			443	443			
1	Xây dựng hoàn thành cầu Bến Kẹm, huyện Bá Thước	Giao thông	532/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	69.443	69.443	69.000	69.000	443	443	49.443			443	443	Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hoá		
b	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2024			127.000	108.000	42.957	33.100	84.043	74.900	79.600	3.856		-	11.679	15.535		

Số TT	Danh mục dự án, nguồn vốn	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công dự án đến hết năm 2023		Số vốn còn thiếu đến hết năm 2023		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn năm 2024 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau khi được điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh											
<i>I</i>		<i>4</i>	<i>5</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>8</i>	<i>10</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>12</i>
1	Đường giao thông khu du lịch suối cá thần, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy	Giao thông	1202/QĐ-UBND ngày 07/4/2022; 1289/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	57.000	45.000	23.552	20.500	33.448	24.500	45.000	3.856		6.000	9.856	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy	
2	Đường tránh tỉnh lộ 512B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước.	Giao thông	1140/QĐ-UBND ngày 04/4/2022; 1288/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	70.000	63.000	19.405	12.600	50.595	50.400	34.600			5.679	5.679	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước; UBND huyện Bá Thước	
<i>c</i>	Dự án khởi công mới năm 2024			98.200	2.000	-	-	98.200	2.000	2.000	-	-	2.000	2.000		
1	Đầu tư xây dựng mới một số hạng mục công trình để hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thường Xuân	Y tế, dân số và gia đình	1028/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	98.200	2.000			98.200	2.000	2.000			2.000	2.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	